

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2019/TLST/ HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2019 giữa :

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T ; Sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn M T , xã L T , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Bùi T T Sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Thôn M T , xã L T , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212; 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55; 58;81;82;83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 03 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 03 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi T T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi T T đều tự nguyện, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Nguyễn Thị T và anh Bùi Thái T n tự nguyện thỏa thuận. Khi ly hôn anh Bùi Thái T trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung là cháu Bùi Như

Y sinh ngày 01/11/2008; cháu Bùi Yến N sinh ngày 05/11/2010; cháu Bùi Thế V sinh ngày 05/9/2014. Anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Nguyễn Thị T và anh Bùi Thái T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Nợ chung : Không có.

-*Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyễn Thị Thiết và anh Bùi Thái Thuyên tự nguyện thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị T là 150.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0002828 ngày 16/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa .

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên

